

"Trái ngọt" ven sông



Nhiều hộ dân vẫn tập trung gieo trồng cây màu truyền thống nên giá trị kinh tế chưa cao.

Được bao bọc và bồi đắp bởi phù sa của 3 con sông: sông Hồng, sông Luộc và sông Trà Lý, huyện Hưng Hà có thế mạnh để phát triển kinh tế nông nghiệp từ vùng đất bãi ven sông. Với 1.500ha diện tích đất bãi trải dài qua 14 xã, thị trấn, dưới bàn tay cần cù, chịu khó cật lực với tư duy đổi mới, sáng tạo của người dân nơi đây đã mang lại những "trái ngọt" với bốn mùa xanh tươi, trù phú. Thế nhưng, việc khai thác "nguồn tài nguyên" vùng đất bãi vẫn còn những trăn trở, rào cản, chưa xứng với tiềm năng, lợi thế đang có.

KỶ 1: VÙNG ĐẤT PHÙ SA TỪNG BỊ "BỎ NGỎ"

Đù được đánh giá là vùng đất phì nhiêu, màu mỡ nhưng do cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, thiếu nguồn lao động, hiệu quả sản xuất còn thấp... khiến nhiều vùng bãi bồi của huyện Hưng Hà vốn là "bờ xôi ruộng mật" có thời điểm bị để hoang hóa hoặc sản xuất theo hình thức nhỏ lẻ, không chỉ lãng phí tài nguyên đất mà còn làm giảm giá trị sản xuất kinh tế.

Rào cản từ cơ sở hạ tầng

Hưng Hà có vùng đất bãi rộng nên thuận lợi cho

phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, do hệ thống thủy lợi và cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất của người dân nơi đây.

Ông Bùi Văn Vũ, Giám đốc HTX SXKD Anh Vũ, xã Hồng Minh là người có hơn 20 năm kinh nghiệm phát triển kinh tế vùng đất bãi ven sông Trà Lý. Hiện HTX của anh đã tích tụ được 25ha chuyên trồng cây công trình, cây ăn quả và hoa màu. Anh Vũ chia sẻ: Trước đây, các tuyến

đường nối từ đê xuống bãi là đường đất. Vào mùa mưa, đường lầy lội, việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, vật tư nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Sau khi sản xuất vài vụ không thấy có lãi nên nhiều người đã bỏ hoang. Thời điểm đó, toàn xã có 160ha đất bãi thì có đến 40% diện tích bỏ hoang.

Giống như anh Vũ, anh Trần Đức Triển, thôn Bắc Sơn, xã Hồng An có gần 15 năm bám trụ nơi vùng đất bãi sông Hồng để mưu sinh. Với diện tích hơn 8 mẫu, gia đình anh

trồng chuối tiêu hồng bởi đây là cây ăn quả phù hợp với chất đất phù sa, tốn ít công chăm sóc. Tuy nhiên, có thời gian anh Triển gần như bỏ cuộc bởi các yếu tố bất lợi về giao thông, thủy lợi... đặc biệt diện tích đất bãi nhỏ lẻ, phân tán, không tập trung cũng gây nhiều khó khăn cho việc canh tác. Anh Triển cho biết: Ngoài thiên tai, bão lụt thì rào cản lớn nhất là hệ thống thủy lợi chưa được nhỏ, rải rác nên năng suất, chất lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu, hiệu quả sử dụng đất còn thấp, chưa

tôi phải gánh từ sông từng thùng nước để chăm sóc cây trồng. Tưởng rằng lấy công làm lãi nhưng công sức bỏ ra nhiều mà thu nhập không được bao nhiêu. Có những thời điểm gia đình tôi đã bỏ hoang 2 năm không trồng trọt vì chi phí sản xuất cao gấp nhiều lần tổng thu nhập mà một sào đất bãi mang lại.

Ông Phạm Văn Bình, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hưng Hà thông tin: Sở dĩ việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện thời điểm đó còn hạn chế là bởi sản xuất nhỏ hẹp, manh mún. Muốn đầu tư cơ sở hạ tầng đòi hỏi nguồn kinh phí lớn, trong khi nguồn vốn sử dụng để đầu tư chủ yếu từ lồng ghép các chương trình, không có nguồn đối ứng nên bị giới hạn, dẫn đến việc các công trình không được đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp, hiệu quả sản xuất không cao. Những hạn chế đó cũng là nguyên nhân khiến Hưng Hà chưa tạo ra nhiều nông sản chất lượng cao. Hiện nay, đa số nông sản ở dạng thô hoặc sơ chế, giá trị gia tăng thấp. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều diện tích đất bãi không được canh tác, rất lãng phí.

Khó từ tư duy sản xuất

Cùng với những khó khăn về cơ sở hạ tầng, tư duy sản xuất của người dân cũng là rào cản trong việc hướng đến sản xuất hàng hóa quy mô lớn, công nghệ cao. Những năm trước đây, vùng đất bãi của Hưng Hà chủ yếu trồng những cây trồng truyền thống như lạc, đỗ, ngô... quy mô sản xuất nhỏ, rải rác nên năng suất, chất lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu, hiệu quả sử dụng đất còn thấp, chưa

tạo được đột phá trong sản xuất.

Theo thống kê của huyện Hưng Hà, trước đây giá trị sản xuất từ vùng đất bãi chỉ chiếm 5 - 10% giá trị sản xuất của các địa phương. Điển hình như vùng đất bãi ven sông Luộc, xã Điệp Nông tới xấp xỉ và màu mỡ phù hợp với các loại cây trồng, tuy nhiên hơn 20 năm nay người dân nơi đây chủ yếu sản xuất các loại cây màu truyền thống. Bà Nguyễn Thị Nguyệt, thôn Việt Yên 5 cho biết: Hàng năm gia đình tôi trồng 4 sào lạc xuân trên vùng đất bãi này. Giống lạc ở đây là giống lạc đỏ truyền thống, bà con tự chọn lọc, để giống từ năm này qua năm khác. Do chất đất phù sa nhiều dinh dưỡng nên cây lạc hầu như không cần phải bổ sung các loại phân hóa học. Việc chăm sóc cây cũng không tốn công sức, chủ yếu tập trung vào thời điểm lạc trổ hoa, tạo củ thì tiến hành xới xáo, vun gốc, nhặt cỏ. Đổi lại, giá trị kinh tế không cao, mỗi sào lạc chỉ lãi hơn 1 triệu đồng.

Ông Khuông Minh Duyên, Giám đốc HTX DVNN Điệp Nông chia sẻ: Từ năm 2012, HTX đã tham mưu lãnh đạo địa phương quy hoạch 2 vùng sản xuất (vùng bãi trên và bãi dưới) với diện tích gần 130ha. 2 vùng này chủ yếu sản xuất các loại cây như đậu tương, rau, ngô tẻ, kê... Tuy nhiên, sản lượng khi thời điểm đó chỉ đạt từ 1 - 1,2 tạ/sào, ngô tẻ đạt gần 1,8 tạ/sào nên giá trị sản xuất vùng đất bãi chỉ chiếm 8 - 10% giá trị nông nghiệp toàn xã. Cùng với đó, bà con chưa áp dụng khoa học kỹ thuật nên năng suất thấp khiến nhiều nông dân không mặn mà với vùng đất bãi. Có thời điểm, theo thống kê, diện tích đất bãi bỏ hoang của xã lên đến 10ha.

Ông Hoàng Ngọc Tạo, Phó Giám đốc HTX DVNN Hồng An



Xã Hồng An hiện có 140ha đất bãi ven sông. Trước đây, người dân chủ yếu trồng ngô, lạc nhưng giá trị kinh tế không cao. Trong khi đó, bất cập của mùa mưa bão, hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu, nông dân chưa đầu tư khoa học kỹ thuật, có thời điểm một sào rau màu chỉ thu lãi 200.000 đồng. Do đó, chúng

Bà Nguyễn Thị Chức, thôn Minh Xuyên, xã Hồng Minh



tôi mong muốn tỉnh, huyện có giải pháp định hướng giúp địa phương hướng dẫn nông dân khai thác hiệu quả kinh tế vùng đất bãi này.

Do không có điều kiện sản xuất, tuổi cao nên 2 sào đất bãi tôi cho thuê. Trước đây chúng tôi trồng ngô theo tính chất "ăn xổi" nên chỉ thu được khoảng 2,5 tạ ngô/sào, thu nhập trên dưới 1 triệu đồng/năm. Năng suất thấp, hơn nữa không có đầu tư nên 2 năm nay tôi cho các tổ chức thuê lại để sản xuất, vừa không lãng phí đất vừa có thêm thu nhập.

Với anh Trần Khắc Cường, thôn Phú Hà, xã Tân Lễ, trên diện tích 3 sào đất bãi anh làm canh 4 vụ/năm, trong đó 3 vụ chính trồng ngô, 1 vụ trồng đậu tương, đỗ, lạc. Mỗi năm gia đình anh thu về khoảng 20 triệu đồng sau khi trừ các chi phí về giống, phân bón... Sau 30 năm gắn bó với nghề nông, anh Cường biết phương thức sản xuất của mình đã lạc hậu so với thời điểm hiện nay nên mong muốn có được sự liên kết sản xuất để nâng cao giá trị cây trồng. Anh Cường tâm sự: Qua thực tế ở địa phương, tôi thấy việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn yếu, liên kết tổ chức sản xuất chưa cao, mỗi người một hướng, mạnh ai nấy làm. Nhìn sang các địa phương khác,

tôi mong muốn địa phương tích cực dẫn dắt bà con liên kết sản xuất để có những sản phẩm giá trị, tiêu thụ mạnh, có chỗ đứng trên thị trường. Được như thế, chắc chắn người làm nông sẽ có cuộc sống tốt hơn và gắn bó với vùng đất bãi hơn.

Phát triển vùng đất bãi trong thời kỳ "nông nghiệp mới" nhưng với tâm lý và tập quán sản xuất nhỏ, việc tiêu thụ nông sản ngày càng khó khăn nên hiệu quả sản xuất chưa xứng với tiềm năng, lợi thế. Cùng với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các địa phương trong huyện cần có giải pháp lâu dài nhằm đẩy mạnh liên kết, mở ra cơ hội phát triển từ vùng đất bãi.

(còn nữa)

THANH THỤY

THÁI THỤY

Tích cực ngăn chặn dịch bệnh đốm trắng trên tôm



Hộ nuôi trồng thủy sản xã Thụy Hải (Thái Thụy) rắc vôi bột xử lý ao nuôi tôm bị bệnh đốm trắng.

Vụ xuân hè năm 2024, huyện Thái Thụy nuôi thủy sản nước lợ trên 1.300ha, trong đó nuôi tôm 600ha, cá các loại 700ha. Đến ngày 15/5, toàn huyện đã xuống giống gần 80 triệu tôm giống trên diện tích 597ha (đạt 99% diện tích). Tuy nhiên, sau gần 1 tháng xuống giống, bệnh đốm trắng trên tôm đã xuất hiện tại một số ao nuôi ở các xã Thụy Xuân, Thụy Hải. Để vụ nuôi trồng thủy sản (NTTS) xuân hè đạt hiệu quả cao, huyện tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh đốm trắng trên tôm.

Hiện nay, HTX NTTS Minh Hải, xã Thụy Xuân có 49ha NTTS. Vụ xuân hè năm 2024, HTX đã xuống giống 100% diện tích, đối tượng nuôi chủ yếu là cá vược, cá song, tôm sú, tôm thẻ... Từ ngày 10 - 15/5, bệnh đốm trắng trên tôm xuất hiện ở 6 ao

nuôi tôm sú với diện tích 6.900m², số lượng 92 vạn con. Ông Nguyễn Viết Tuấn, thôn Xuân Bàng cho biết: Vụ này tôi thả 20 vạn giống tôm sú trên diện tích 1.200m². Trước khi bước vào vụ nuôi tôi đã thực hiện các bước vệ sinh, khử trùng ao nuôi như phơi đáy, rắc vôi bột, lọc nước trước khi nuôi thả. Tuy nhiên tôm vẫn bị nhiễm bệnh không rõ nguyên nhân từ đâu. Sau 25 ngày xuống giống, tôm xuất hiện tình trạng bỏ ăn, bơi lơ đãng, vài ngày sau thì chết hàng loạt. Bao nhiêu công sức chăm sóc, tiền đầu tư giống tôi đã bị mất hết. Hiện tôi đang xử lý ao nuôi bằng hóa chất, vôi bột để nuôi thả con giống cho kịp thời vụ.

Ông Nguyễn Trọng Chính, Giám đốc HTX NTTS Minh Hải chia sẻ: Sau khi nhận được thông tin có hiện tượng tôm chết, HTX đã báo cáo Phòng

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện để xác định nguyên nhân tôm chết. Để ngăn chặn nguy cơ lây lan dịch bệnh, HTX đã kiểm tra, rà soát, khoanh vùng các diện tích ao bị bệnh; hướng dẫn hộ dân tranh thủ những ngày trời nắng, nên nhiệt cao không nên việc một số hộ xử lý ao, đảm không triệt để trước khi thả giống và mật độ nuôi quá cao so với hướng dẫn của ngành chuyên môn. Để ngăn chặn kịp thời, không để dịch bệnh đốm trắng trên tôm bùng phát, Trạm đã cử cán bộ phụ trách địa bàn phối hợp với các HTX NTTS thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình dịch bệnh, khẩn trương thu gom xác tôm chết tiêu hủy đúng quy định, không dùng phân sinh học theo dõi, không tự ý xả nước ao nuôi khi chưa xử lý hóa chất... nâng cao ý thức cho các hộ nuôi tôm về công

tác phòng, chống dịch. Theo ông Lê Văn Hoan, Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện: Đối với các địa phương có diện tích NTTS bị bệnh đốm trắng trên tôm, Phòng đã đơn đốc kiến toàn ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh NTTS để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chủ động nguồn lực thực hiện công tác phòng, chống dịch. Đơn đốc các HTX NTTS hướng dẫn người dân kỹ thuật nuôi; thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh, duy trì mực nước trong ao tối thiểu 1,3 - 1,5m, nếu cần bổ sung nước thì phải lấy nước vào thời điểm đỉnh triều, qua túi lọc, cấp vào ao lắng, xử lý trước khi cấp vào ao nuôi; thường xuyên sử dụng quạt nước hoặc sục khí vào thời điểm thích hợp để tăng cường lượng oxy trong ao nuôi; quản lý chặt chẽ sự phát triển của tảo, nhất là trong thời gian nắng nóng, khi tảo phát triển mạnh (màu nước xanh đậm đặc) có thể dùng các biện pháp như phủ bạt để diệt tảo; đối với những ao nuôi có nguồn nước sạch, thì mật độ nuôi (12 - 15%) thì có thể thay nước ao 20 - 30% để giảm mật độ tảo và ngăn sự phát triển của tảo trong ao; duy trì ổn định độ pH trong giới hạn cho phép bằng vôi bột, vôi Dolomite; trước các ngày có mưa dông phải nâng cao độ sâu mực nước ao để giảm biến động nhiệt độ nước, sau mưa có thể tháo bớt tăng nước mặt tránh việc nuôi bị sốc do thay đổi pH đột ngột và định kỳ 2 tuần/lần rải vôi xung quanh bờ ao để ngăn nước mưa mang phèn và chất bẩn từ trên bờ ao xuống; đặc biệt, 7 - 10 ngày/lần phải sử dụng một trong các hóa chất: Chlorine, Aquafit, TCCA-Nissan, Bkc, viên sủi VICATO hoặc các chế phẩm sinh học theo đúng liều lượng và đúng thời điểm trong ngày để ổn định môi trường ao nuôi.

NGUYỄN THẨM

Một số lưu ý khi tôm nuôi bị bệnh đốm trắng

1. Dấu hiệu nhận biết bệnh đốm trắng trên tôm

- Triệu chứng thường gặp: Tôm bơi lội lơ đãng, dạt vào bờ gần mặt nước quanh bờ ao, vỏ giáp đầu ngực lồi lõng, rục giữa màu trắng chạy dọc theo bụng.

- Khi bóc tách vỏ giáp đầu ngực, soi dưới ánh sáng sẽ thấy các đốm trắng có đường kính 0,5 - 2mm bên trong giáp đầu và đôi thứ 5 - 6. Đốm trắng có tâm trắng trong, bên ngoài trắng đục.



Ảnh minh họa

- Bệnh thường xuất hiện 1 - 2 tháng sau khi thả nuôi, giai đoạn này tôm nhỏ nên khó phát hiện các đốm trắng.

- Tôm nuôi chết rất nhanh (từ 80% trở lên) trong 1 - 5 ngày sau khi xuất hiện các dấu hiệu bệnh.

2. Biện pháp phòng bệnh đốm trắng trên tôm

Hiện nay vẫn chưa có phương pháp điều trị bệnh đốm trắng do virus gây ra nên cách duy nhất là phòng bệnh bằng các biện pháp như:

- Trong quá trình nuôi tôm cần đặc biệt chú ý duy trì ổn định môi trường nuôi bằng các biện pháp cơ học như quạt nước, sục khí đáy và xi phông đáy ao; các biện pháp hóa được như bón vôi để duy trì pH, tăng độ kiềm; các biện pháp sinh học như dùng chế phẩm sinh học để cải tạo môi trường ao nuôi...

- Chú trọng nâng cao sức đề kháng cho tôm nuôi bằng cách sử dụng các biện pháp quản lý, chăm sóc tốt; sử dụng các loại thức ăn chất lượng cao đồng thời bổ sung các loại enzym, vitamin, chất khoáng vi lượng nhằm giúp tôm tăng cường khả năng tiêu hóa và sức đề kháng với bệnh.

- Nguồn nước phải qua lắng lọc, xử lý trước khi đưa vào ao nuôi.

- Thường xuyên vệ sinh, khử trùng dụng cụ cho tôm ăn, kiểm tra màu sắc, khả năng bắt mồi, tình trạng sức khỏe của tôm để phát hiện kịp thời.

Khuyến khích người nuôi áp dụng các quy trình nuôi tiên tiến như quy trình nuôi tôm dùng chế phẩm sinh học và quy trình nuôi tôm theo công nghệ biofloc có tác dụng rất lớn nhằm phòng, chống bệnh đốm trắng cho tôm nuôi.

3. Biện pháp xử lý khi ao bị nhiễm virus đốm trắng

- Báo ngay cho cơ quan chức năng khi thấy tôm có dấu hiệu bệnh lý;

- Cách ly ao bệnh;

- Thu tôm trong vòng 1 - 2 ngày để giảm thiểu thiệt hại;

- Sau khi thu tôm, khử trùng nước và dụng cụ sử dụng trong quá trình nuôi tôm bằng Chlorine nồng độ 40mg/l. Giữ nước sau khi xử lý Chlorine ít nhất 7 ngày trước khi xả ra môi trường. Dụng cụ và quạt nước dùng trong ao phải được phun xịt bằng nước hòa Chlorine với nồng độ 1,6g/l hoặc nếu có thể thì ngâm trong nước hòa tan 40mg/l Chlorine trong ít nhất 3 ngày.

Nếu tôm bị chết chưa kịp thu hoạch thì hủy tôm bằng Chlorine nồng độ 40mg/l. Trong trường hợp tôm chưa chết hết thì tái xử lý Chlorine nồng độ 100mg/l. Xác tôm chết phải lưu lại trong ao ít nhất 7 ngày cho phân hủy tự nhiên và tiêu diệt mầm bệnh (vì mầm bệnh có thể tồn tại trong phân tôm).

Sau khi tháo nước, loại bỏ bùn đáy, xử lý vôi với lượng 10 - 15kg/100m² khi đáy còn ẩm (hoặc bón vôi theo pH đáy ao). Phơi khô đáy, bảo đảm không còn chỗ ẩm cho mầm bệnh ẩn nấp.

Những ao gần kề ao nhiễm bệnh không có dấu hiệu bệnh (như giảm ăn, lơ đãng) có thể duy trì bằng cách tăng cường chăm sóc, quản lý, nâng cao sức đề kháng cho tôm. Xử lý iodine 10% ở mức 0,3 - 1mg/l (lặp lại sau 3 - 4 ngày) hoặc formaline 70mg/l (mỗi ngày) hoặc BKC với nồng độ 1mg/l.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG THÁI BÌNH